

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Ưu tiên	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
1	CH0001	BẠCH THỊ LAN ANH	08.09.1990	Hoàng Liên Sơn	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
2	CH0002	BÙI NGỌC ANH	12.11.1987	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
3	CH0003	HÀ VIỆT ANH	11.06.1984	Lào Cai	Nam	KV1	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
4	CH0004	LẠI TRUNG ANH	02.01.1994	Lào Cai	Nam		Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
5	CH0005	NGUYỄN HỒNG ANH	18.07.1988	Yên Bái	Nữ	KV1	Lâm học	Tiếng Anh
6	CH0006	NGUYỄN TUẤN ANH	12.07.1976	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
7	CH0007	NGUYỄN TUẤN ANH	26.07.1986	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
8	CH0008	NÔNG VIỆT ANH	14.04.1991	Lào Cai	Nam	DTKV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
9	CH0009	TRƯƠNG NHẬT ANH	11.10.1994	Yên Bái	Nữ		Quản lý đất đai	Tiếng Anh
10	CH0010	TRẦN VĂN BẰNG	15.03.1973	Lào Cai	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
11	CH0011	HOÀNG THANH BÌNH	27.11.1984	Lào Cai	Nam	DTKV1	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
12	CH0012	PHẠM THANH BÌNH	18.01.1992	Lào Cai	Nam		Lâm học	Tiếng Anh
13	CH0013	LÊ ĐÌNH BÌNH	13.03.1986	Hà Nội	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
14	CH0014	BÙI ĐỨC CẢNH	24.04.1984	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
15	CH0015	ĐỖ HẢI CHÂU	02.02.1981	Nam Định	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
16	CH0016	BÙI VĂN CHINH	29.10.1974	Nam Định	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Miễn thi
17	CH0017	MAI THÀNH CHUNG	03.08.1986	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
18	CH0018	NGUYỄN THỊ THỦY CHUNG	30.10.1976	Yên Bái	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
19	CH0019	TRẦN VĂN CHUYỀN	14.04.1980	Thái Bình	Nam	KV1	Lâm học	Tiếng Anh
20	CH0020	BÙI VĂN CHUYỂN	17.03.1977	Yên Bái	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Miễn thi
21	CH0021	TRIỆU QUỐC CHUÔNG	01.02.1982	Yên Bái	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
22	CH0022	NGUYỄN THÀNH CÔNG	04.01.1989	Lào Cai	Nam	KV1	Lâm học	Tiếng Anh
23	CH0023	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	12.07.1981	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
24	CH0024	CAO HỮU CƯỜNG	14.12.1981	Phú Thọ	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
25	CH0025	HÀ VĂN CƯỜNG	28.01.1979	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
26	CH0026	NÔNG ĐỨC CƯỜNG	20.07.1990	Yên Bái	Nam	DTKV1	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
27	CH0027	PHẠM VĂN CƯỜNG	15.06.1975	Lào Cai	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Miễn thi
28	CH0028	TRỊNH NGỌC CƯỜNG	20.11.1986	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
29	CH0029	VŨ HỒNG CƯỜNG	02.05.1990	Lào Cai	Nam		Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
30	CH0030	VŨ MẠNH CƯỜNG	15.08.1978	Yên Bái	Nam	KV1	Lâm học	Tiếng Anh
31	CH0031	VŨ VĂN CƯỜNG	02.04.1983	Lào Cai	Nam	KV1	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
32	CH0032	NGUYỄN VĂN DẪN	20.05.1974	Yên Bái	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
33	CH0033	TRỊNH TIẾN DUẬT	30.06.1984	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
34	CH0034	LÊ TIẾN DŨNG	20.07.1983	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh

ấn định danh sách có: 34 thí sinh.

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Ưu tiên	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
1	CH0035	NGUYỄN THỊ DỪNG	17.02.1990	Vĩnh Phúc	Nữ	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
2	CH0036	BÙI ÁNH DƯƠNG	15.10.1975	Phú Thọ	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
3	CH0037	LÊ NGỌC DƯƠNG	10.11.1969	Thanh Hóa	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
4	CH0038	NGUYỄN THỊ ĐÀO	07.04.1983	Thanh Hóa	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
5	CH0039	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	08.11.1978	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
6	CH0040	LỤC THUẬN ĐẠI	15.09.1976	Lào Cai	Nam	DTKV1	Lâm học	Tiếng Anh
7	CH0041	TRẦN QUANG ĐẠI	09.02.1979	Hà Nam	Nam	KV1	Lâm học	Tiếng Anh
8	CH0042	ĐOÀN HỒNG ĐIỆP	30.04.1981	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Miễn thi
9	CH0043	HOÀNG VĂN ĐIỆP	17.06.1979	Yên Bái	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
10	CH0044	NGUYỄN MẠNH ĐIỆP	20.05.1984	Lào Cai	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
11	CH0045	TRẦN VĂN ĐOÁN	06.06.1970	Thái Bình	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
12	CH0046	CẨM TIẾN ĐÔNG	16.11.1987	Yên Bái	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
13	CH0047	SẦN NGỌC ĐỨC	01.08.1982	Lào Cai	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
14	CH0048	CHU THỊ HƯƠNG GIANG	19.05.1990	Yên Bái	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
15	CH0049	ĐINH TRỌNG GIÁP	01.10.1984	Tuyên Quang	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
16	CH0050	CHU HỒNG HÀ	27.05.1976	Lào Cai	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
17	CH0051	ĐINH MINH HÀ	25.11.1975	Hòa Bình	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
18	CH0052	ĐỖ THÁI HÀ	13.08.1981	Phú Thọ	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
19	CH0053	LƯƠNG SƠN HÀ	05.03.1981	Lào Cai	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
20	CH0054	NGÔ THỊ HẢI HÀ	10.07.1978	Tuyên Quang	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Miễn thi
21	CH0055	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	04.09.1990	Lào Cai	Nữ	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
22	CH0056	PHẠM THU HÀ	18.09.1979	Yên Bái	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
23	CH0057	TRẦN NGỌC HÀ	18.09.1986	Yên Bái	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Miễn thi
24	CH0058	ĐỖ THANH HẢI	26.03.1981	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
25	CH0059	LÊ THỊ THANH HẢI	14.03.1985	Hoàng Liên Sơn	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
26	CH0060	TRẦN VĂN HẢI	04.12.1983	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
27	CH0061	ĐINH PHÚC HẠNH	08.10.1982	Lào Cai	Nam	DTKV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
28	CH0062	LẠI THỊ THÚY HẠNH	22.05.1983	Yên Bái	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
29	CH0063	NGUYỄN PHƯƠNG HẠNH	30.03.1983	Hà Nội	Nữ	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
30	CH0064	PHẠM VINH HẠNH	14.11.1986	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
31	CH0065	VŨ THỊ HẠNH	23.03.1981	Yên Bái	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
32	CH0066	NGUYỄN DUY HIẾU	24.10.1980	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
33	CH0067	PHAN ANH TRUNG HIẾU	11.03.1987	Thái Nguyên	Nam	KV1	Lâm học	Tiếng Anh
34	CH0068	TRẦN LÊ HIẾU	07.07.1981	Yên Bái	Nam	KV1	Lâm học	Tiếng Anh

ấn định danh sách có: 34 thí sinh.

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Ưu tiên	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
1	CH0069	HOÀNG HUY HIỆP	03.02.1981	Yên Bái	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
2	CH0070	NGUYỄN MẠNH HOÀN	27.08.1990	Vĩnh Phúc	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
3	CH0071	LƯƠNG ĐỨC HOÀNG	16.07.1988	Lào Cai	Nam	KV1	Lâm học	Tiếng Anh
4	CH0072	NGUYỄN CÔNG HOÀNG	01.01.1986	Yên Bái	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
5	CH0073	TRINH THỊ HÒA	08.02.1985	Thanh Hóa	Nữ	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
6	CH0074	PHÙNG ÁNH HỒNG	20.01.1971	Yên Bái	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
7	CH0075	HOÀNG VĂN HỢP	06.08.1978	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
8	CH0076	PHẠM ĐỨC HUẤN	09.12.1984	Lào Cai	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
9	CH0077	NGUYỄN THỊ THƯƠNG HUYỀN	18.02.1991	Hoàng Liên Sơn	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
10	CH0078	PHẠM THỊ HUYỀN	11.12.1980	Lào Cai	Nữ	KV1	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
11	CH0079	TRẦN THỊ HUYỀN	26.12.1987	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
12	CH0080	NGUYỄN NGỌC HÙNG	19.10.1979	Lào Cai	Nam	KV1	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
13	CH0081	LƯƠNG QUANG HUNG	25.08.1981	Lào Cai	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
14	CH0082	LƯU THẾ HUNG	04.08.1971	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
15	CH0083	NGUYỄN VIỆT HUNG	20.12.1990	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
16	CH0084	TÀNG HOÀNG HUNG	30.04.1979	Hải Dương	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
17	CH0085	TRẦN DUY HUNG	20.02.1979	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
18	CH0086	BÙI THỊ HƯƠNG	30.01.1980	Lào Cai	Nữ	KV1	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
19	CH0087	LÊ THỊ MAI HƯƠNG	01.12.1988	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
20	CH0088	BÙI THỊ HUỠNG	02.12.1982	Quảng Ninh	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
21	CH0089	BÙI CÔNG KHANH	19.08.1977	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
22	CH0090	NÔNG THU KHÁNH	04.01.1984	Yên Bái	Nữ	KV1	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
23	CH0091	BÙI TRUNG KIÊN	02.05.1977	Lào Cai	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
24	CH0092	NGUYỄN XUÂN KIÊN	23.01.1972	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
25	CH0093	NGUYỄN BÁ KIÊN	02.10.1979	Thái Bình	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Miễn thi
26	CH0094	ĐINH BẢO LÂM	23.07.1987	Lào Cai	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
27	CH0095	PHẠM TIẾN LÂM	15.01.1986	Phú Thọ	Nam	KV1	Lâm học	Tiếng Anh
28	CH0096	THÁI TỰ LẬP	27.05.1981	Lào Cai	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
29	CH0097	ĐINH THÙY LINH	28.01.1992	Lào Cai	Nữ	DTKV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
30	CH0098	HOÀNG THỊ MỸ LINH	08.11.1981	Hà Giang	Nữ	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
31	CH0099	NGÔ HOÀI LINH	03.11.1987	Bình Thuận	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
32	CH0100	PHAN DIỆU LINH	11.04.1991	Yên Bái	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
33	CH0101	PHẠM VĂN LỢI	03.05.1982	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh

ấn định danh sách có: 33 thí sinh.

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Ưu tiên	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
1	CH0102	NGUYỄN ĐỨC LUÂN	24.07.1981	Phú Thọ	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
2	CH0103	LÊ VĂN LUẬN	27.05.1971	Nam Định	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
3	CH0104	TRẦN THỊ KIM LUYẾN	08.10.1986	Phú Thọ	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
4	CH0105	ĐOÀN PHƯƠNG MAI	24.02.1985	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
5	CH0106	VŨ THỊ THANH MAI	16.08.1977	Vĩnh Phú	Nữ	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
6	CH0107	TRẦN ĐÌNH MÁT	13.10.1973	Yên Bái	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
7	CH0108	LÊ HỮU MINH	10.11.1981	Thanh Hóa	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
8	CH0109	LƯƠNG VĂN MINH	20.10.1984	Lào Cai	Nam	DTKV1	Lâm học	Tiếng Anh
9	CH0110	BÙI THANH NAM	25.01.1985	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
10	CH0111	PHẠM TIẾN NAM	25.01.1976	Yên Bái	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
11	CH0112	TRẦN TIẾN NAM	22.08.1986	Yên Bái	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
12	CH0113	NGUYỄN THỊ THU NGÀ	25.05.1980	Nam Định	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Miễn thi
13	CH0114	NGUYỄN THỊ NGOAN	30.12.1974	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
14	CH0115	LÊ THỊ NGỌC	20.10.1989	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
15	CH0116	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	09.09.1982	Hà Nội	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
16	CH0117	NGUYỄN TUẤN NGỌC	05.07.1981	Yên Bái	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
17	CH0118	PHẠM BÍCH NGỌC	13.10.1990	Yên Bái	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
18	CH0119	BÙI THỊ NHÀI	22.10.1971	Phú Thọ	Nữ	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
19	CH0120	BÙI THỊ NHÀI	22.10.1971	Phú Thọ	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
20	CH0121	ĐOÀN THỊ CẨM NHUNG	08.10.1982	Yên Bái	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
21	CH0122	TRẦN THỊ PHƯƠNG NHUNG	09.05.1982	Lào Cai	Nữ	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
22	CH0123	MAI HUY PHONG	22.08.1980	Phú Thọ	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
23	CH0124	TRẦN QUANG PHÚ	20.12.1982	Lào Cai	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
24	CH0125	DOANH THẾ PHÚC	16.01.1978	Vĩnh Phúc	Nam	DTKV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
25	CH0126	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	18.10.1982	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
26	CH0127	HOÀNG THỊ BÍCH PHƯỢNG	02.05.1976	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
27	CH0128	HOÀNG HỒNG QUANG	02.02.1973	Vĩnh Phú	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
28	CH0129	HOÀNG VINH QUANG	18.12.1981	Yên Bái	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
29	CH0130	NGUYỄN HỒNG QUANG	06.02.1986	Vĩnh Phú	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
30	CH0131	NGUYỄN MINH QUÂN	31.05.1992	Lào Cai	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
31	CH0132	NGUYỄN NHƯ QUÂN	25.11.1991	Yên Bái	Nam	DTKV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
32	CH0133	VŨ THỊ KIM QUYÊN	20.02.1994	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Miễn thi
33	CH0134	LÊ ANH QUYÊN	30.09.1983	Yên Bái	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh

ấn định danh sách có: 33 thí sinh.

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Ưu tiên	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
1	CH0135	NGUYỄN ANH QUYỀN	12.11.1980	Yên Bái	Nam		Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
2	CH0136	NGUYỄN CHÍ QUYỀN	26.08.1980	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
3	CH0137	BẠCH THỊ NGỌC QUỲNH	14.09.1987	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
4	CH0138	CAO NGỌC QUỲNH	16.02.1983	Phú Thọ	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
5	CH0139	HOÀNG TRƯỜNG SƠN	24.04.1972	Yên Bái	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
6	CH0140	NGUYỄN NGỌC SƠN	05.01.1979	Vĩnh Phú	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
7	CH0141	NGUYỄN PHÚ SƠN	30.08.1967	Vĩnh Phú	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
8	CH0142	HÀ TIẾN SỰ	03.02.1980	Lào Cai	Nam	DTKV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
9	CH0143	BÙI MINH TÂN	22.03.1989	Lào Cai	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
10	CH0144	HOÀNG MẠNH TÂN	28.08.1990	Lào Cai	Nam	DTKV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
11	CH0145	TRẦN VĂN TẮY	22.12.1982	Nam Định	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
12	CH0146	NGUYỄN HUY THANH	22.12.1980	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
13	CH0147	HOÀNG QUỐC THÀNH	05.01.1989	Lào Cai	Nam	DTKV1	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
14	CH0148	NGUYỄN TẮT THÀNH	14.12.1985	Hoàng Liên Sơn	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
15	CH0149	TRẦN ĐÌNH THÀNH	08.10.1980	Thái Bình	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
16	CH0150	ĐỖ HIẾU THẢO	09.10.1980	Vĩnh Phú	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
17	CH0151	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	09.05.1991	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
18	CH0152	ĐỖ THỊ THU THẢO	10.12.1993	Lào Cai	Nữ		Quản lý đất đai	Tiếng Anh
19	CH0153	LƯƠNG VIỆT THẢO	25.08.1978	Hà Nội	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
20	CH0154	ĐỖ QUANG THẮNG	14.06.1987	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
21	CH0155	HÀ MẠNH THẮNG	25.07.1980	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
22	CH0156	NGUYỄN MẠNH THẮNG	31.12.1977	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
23	CH0157	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	22.05.1977	Nam Định	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
24	CH0158	NGUYỄN HỮU THIÊN	20.12.1970	Nam Định	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
25	CH0159	HOÀNG ĐỨC THỌ	17.10.1982	Yên Bái	Nam	DTKV1	Lâm học	Tiếng Anh
26	CH0160	LÊ THỊ THƠM	22.05.1982	Phú Thọ	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
27	CH0161	NGUYỄN THỊ THƠM	10.07.1984	Lào Cai	Nữ	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
28	CH0162	ĐỖ NGỌC THU	22.10.1972	Yên Bái	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
29	CH0163	MA THỊ HÀ THU	28.10.1986	Yên Bái	Nữ	KV1	Khoa học cây trồng	Miễn thi
30	CH0164	HOÀNG THỊ THUẬN	26.11.1979	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
31	CH0165	NGUYỄN ĐÌNH THUẬN	05.07.1992	Phú Thọ	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
32	CH0166	LA TIẾN THUẬT	25.11.1979	Lào Cai	Nam	DTKV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
33	CH0167	LA TIẾN THUẬT	25.11.1979	Lào Cai	Nam	DTKV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh

ấn định danh sách có: 33 thí sinh.

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Ưu tiên	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
1	CH0168	HÀ PHƯƠNG THÚY	28.10.1989	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
2	CH0169	ĐOÀN DOANH TIẾN	08.06.1980	Lào Cai	Nam	KV1	Lâm học	Tiếng Anh
3	CH0170	LÊ XUÂN TIẾN	22.08.1974	Vĩnh Phúc	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
4	CH0171	NGUYỄN THỊ TÌNH	20.06.1978	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
5	CH0172	ĐỖ VĂN TỈNH	22.01.1977	Nam Định	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
6	CH0173	HÀ VĂN TOÀN	01.05.1974	Yên Bái	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
7	CH0174	PHAN VĂN TOÀN	28.10.1972	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
8	CH0175	VÀNG A TỐ	12.06.1989	Lào Cai	Nam	DTKV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
9	CH0176	ĐÀO THỊ TRANG	28.06.1991	Thái Bình	Nữ	KV1	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
10	CH0177	TẠ THỊ THU TRANG	09.11.1989	Phú Thọ	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
11	CH0178	NGUYỄN THỊ TRÂM	02.09.1979	Ninh Bình	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
12	CH0179	VƯƠNG KHÁNH TRÌNH	02.09.1978	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
13	CH0180	TRẦN QUỐC TRUNG	04.11.1983	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
14	CH0181	TRẦN VĂN TRUNG	20.01.1983	Yên Bái	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
15	CH0182	LÊ ANH TUẤN	24.10.1982	Hoàng Liên Sơn	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
16	CH0183	NGUYỄN HỮU TUẤN	28.08.1979	Thái Bình	Nam	KV1	Lâm học	Tiếng Anh
17	CH0184	NGUYỄN NGỌC TUẤN	28.01.1992	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
18	CH0185	PHAN ANH TUẤN	31.05.1971	Lào Cai	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
19	CH0186	TẠ ANH TUẤN	25.02.1988	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
20	CH0187	VŨ ANH TUẤN	16.09.1984	Hoàng Liên Sơn	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
21	CH0188	HÀ THANH TUYỀN	26.04.1985	Yên Bái	Nam	DTKV1	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
22	CH0189	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	05.12.1977	Phú Thọ	Nam	KV1	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh
23	CH0190	CHU QUỐC TÙNG	07.06.1977	Phú Thọ	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
24	CH0191	ĐỖ THANH TÙNG	07.08.1988	Hoàng Liên Sơn	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
25	CH0192	TRẦN DUY TÙNG	28.05.1993	Lào Cai	Nam		Lâm học	Tiếng Anh
26	CH0193	NGUYỄN PHƯƠNG VÂN	07.11.1977	Phú Thọ	Nam	KV1	Lâm học	Tiếng Anh
27	CH0194	ĐẶNG THỊ THÙY VÂN	02.09.1987	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
28	CH0195	HOÀNG THỊ THÚY VÂN	25.07.1977	Yên Bái	Nữ	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
29	CH0196	LƯU THỊ CẨM VÂN	03.09.1989	Hoàng Liên Sơn	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
30	CH0197	TRẦN ANH VIỆT	14.09.1981	Hà Nam	Nam	KV1	Phát triển nông thôn	Tiếng Anh
31	CH0198	ĐOÀN TUẤN VŨ	04.01.1984	Hoàng Liên Sơn	Nam	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
32	CH0199	NGUYỄN ANH VŨ	21.08.1975	Lào Cai	Nam	KV1	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
33	CH0200	NGUYỄN THỊ MINH XUÂN	06.06.1974	Lào Cai	Nữ	KV1	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
34	CH0201	PHẠM VĂN TUẤN	08.05.1974	Thái Bình	Nam	KV1	Lâm học	Tiếng Anh

ấn định danh sách có: 34 thí sinh.